TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 134/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du.

2. Bà Nguyễn Thị Nữ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Cao Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 10/10/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Số A, đường Huỳnh Văn L, khu phố B, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Tấn S, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Số A, đường Huỳnh Văn L, khu phố B, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2024 và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Tấn S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú H ngày 01/11/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm đến vợ con, làm cho bà T bị tổn thương về

tinh thần và không còn tình cảm với ông S. Mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông S thường cáu gắt, la hét, làm cho không khí trong gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Từ đầu năm 2024 đến nay, ông S đã tự tách bản thân ra khỏi cuộc sống gia đình, cụ thể ông S không ăn cơm cùng với gia đình, không ngủ chung phòng, không nói chuyện, không nhìn mặt và tránh né bà T, không có trách nhiệm với gia đình. Nay bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Lê Tấn S. Về con chung, bà T và ông S có 03 con chung tên Lê Nguyễn Khánh P, sinh ngày 15/02/2006; Lê Nguyễn Khánh D, sinh ngày 19/02/2012 và Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/5/2016. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Khánh D, sinh ngày 19/02/2012 và Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/5/2016, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lê Nguyễn Khánh P, sinh ngày 15/02/2006, đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn ông Lê Tấn S. Tuy nhiên, ông S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Đối với bị đơn ông Lê Tấn S đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Lê Tấn S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Tấn S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Tấn S tự nguyện kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hòa, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 01/11/2002; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 270, quyển số 02/2002, ngày 01/11/2002 của Ủy ban nhân dân phường Phú H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Tấn S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S sống vô tâm, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ đầu năm 2024, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, mặc dù sống chung nhà, nhưng việc ai nấy làm, không còn quan tâm đến nhau. Hiện ông S đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không còn sống chung với bà T. Tại phiên tòa, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông S đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông S. Về phía bị đơn ông Lê Tấn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông S không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Lê Tấn S là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông S có 03 con chung tên Lê Nguyễn Khánh P, sinh ngày 15/02/2006; Lê Nguyễn Khánh D, sinh ngày 19/02/2012 và Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/5/2016. Đối với cháu Lê Nguyễn Khánh P, sinh ngày 15/02/2006 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, cháu D và cháu H đang sống ổn định với bà T nên bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cháu H. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thanh T có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Đồng thời, quá trình làm việc, cháu D và cháu H trình bày hiện hai cháu đang sống với bà T, do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu D và cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ ruột tên Nguyễn Thị Thanh T trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Lê Nguyễn Khánh D, sinh ngày 19/02/2012 và Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/5/2016 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Cac đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Lê Tấn S về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Lê Tấn S.

- Về con chung:

+ Đối với cháu Lê Nguyễn Khánh P, sinh ngày 15/02/2006 đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

+ Giao 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Khánh D, sinh ngày 19/02/2012 và Lê Nguyễn Khánh H, sinh ngày 26/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Lê Tấn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Lê Tấn S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Lê Tấn S.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số BLTU/24 - 0002167 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Phú Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung